

Số: /QĐ-UBND

Quan Sơn, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Duy tu, bảo dưỡng trường Tiểu học Sơn Lư (Khu Bìn),
thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 371/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp năm 2023 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND huyện Quan Sơn về việc phê duyệt danh mục đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 582/TĐ-KTHT ngày 14/11/2023; Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND thị trấn Sơn Lư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Duy tu, bảo dưỡng trường Tiểu học Sơn Lư (Khu Bìn), thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, với những nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Duy tu, bảo dưỡng trường Tiểu học Sơn Lư (Khu Bìn), thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.

2. Người Quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn.

3. Chủ đầu tư: UBND thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.

4. Mục tiêu và Quy mô đầu tư:

4.1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện hạ tầng, cơ sở vật chất trường tiểu học Sơn Lư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh trong trường.

4.2. Quy mô, phạm vi xây dựng, giải pháp thiết kế:

4.2.1. Quy mô: Sửa chữa, cải tạo các hạng mục đã xuống cấp, hư hỏng.

4.2.2. Giải pháp thiết kế:

a) Tường rào:

- Phá bỏ đoạn tường rào hiện trạng có tổng chiều dài $L=59.70\text{m}$, bao gồm: Đoạn từ mốc M1 đến M2 dài $L=14.60\text{m}$, đoạn từ mốc M9 đến M10 dài $L=7.0\text{m}$, đoạn từ mốc M1 đến M10 dài $L=38.10\text{m}$.

- Tường rào hiện trạng xây gạch được phá dỡ và thay thế bằng tường rào song sắt hộp, chiều dài $L=55,7\text{m}$, cụ thể: Đoạn từ M1 đến M2, M8-M9 dài $L=16.60\text{m}$ tận dụng lại móng tường rào cũ; đoạn từ M1 đến M10* và M10 đến M10* dài $L=39.10\text{m}$, móng tường rào được làm mới.

- Đoạn tường rào từ M2 đến M8 hiện trạng được cạo bỏ sơn cũ, làm sạch bề mặt, sơn lại 3 lớp (1 lớp 2 nước màu) chiều dài $L=96.10\text{m}$.

- Phía ngoài tường rào xây mới, được gia cố bằng các tấm đan bê tông đúc sẵn KT 600x600x5.

b) Sân bê tông:

Có diện tích $152,4\text{m}^2$. Cấu tạo sân từ trên xuống bằng bê tông mác 200# đá 1x2, dày 15cm; lớp nilon tái sinh; nền sân mở rộng đắp đất tận dụng từ đất đào độ chặt yêu cầu $K \geq 0.9$

c) Cổng, đường dẫn vào cổng:

- Chuyển vị trí cổng chính ra vị trí mới, phá bỏ cổng cũ, xây dựng lại bằng tường rào bằng hoa sắt.

- Cột cổng chính C2 có kích thước 60x60 cm, cột cổng phụ C1 có kích thước 40x40, bằng bê tông cốt thép.

- Móng cột BTCT M250 KT80x80 cm và KT 80x80 cm, lót đá 4x6 VXM M100.

- Cốt thép cột từ D10-D14-D16, cốt đai D6.

- Cánh cổng chính và phụ bằng sắt hộp sơn tĩnh điện.

- Đường dẫn vào cổng được mở rộng, san lấp bằng đất và hoàn thiện mặt đường bằng bê tông M250 dày 20cm. Để an toàn cho học sinh làm hộ lan dài 7.0m

c) Cải tạo nhà vệ sinh:

- Phá bỏ tấm lợp Bloximang hiện tại, thay thế bằng mái lợp tôn.
 - Tháo bỏ thiết bị vệ sinh hiện trạng, thay bằng thiết bị vệ sinh mới.
 - Nâng cốt nền nhà vệ sinh, lát lại toàn bộ gạch KT300x300 chống trơn, tường nhà vệ sinh đượng ốp lại toàn bộ bằng gạch men kính sáng màu KT300x600, ốp cao 1.50m.

- Nước cấp cho nhà vệ sinh, được lấy từ két nước mái, đặt trên mái nhà lớp học hiện trạng(sát nhà vệ sinh) cấp xuống cho các thiết bị sát WC.

- Bể tự hoại hiện trạng không đảm bảo được phá bỏ xây lại bể tự hoại mới.

d) Nhà xe kết cấu thép làm mới:

- Nhà xe kích thước 5,0x6.0m.
 - Cột, vì kèo bằng thép tráng kẽm.
 - Các thanh vì kèo mái liên kết với nhau bằng liên kết hàn.
 - Lợp tôn liên danh dày 0.4mm.
 - Xà gồ thép hộp 80x40x1.4 mm.
 - Thép ống tráng kẽm D48 dày 1.8m
 - Móng cột nhà xe bằng BTCT, lót móng BT đá 4x6 vữa XM M100.
 - Nền bê tông đá 1x2 M200 dày 10cm, lán vữa XM M100 dày 3cm.

(Chi tiết các hạng theo hồ sơ thiết kế)

5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn và Đầu tư xây dựng Anh Dương.

6. Tổ chức tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn và Đầu tư xây dựng Anh Dương.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng: Thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.

8. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính, thời hạn sử dụng của công trình theo thiết kế:

8.1. Cấp công trình chính: Công trình dân dụng, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: Thiết kế 01 bước (Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

9.2. Các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm:

- TCVN 2737-1995 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 4478-1987 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4513-1998 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 2622-1995 Phòng chống, cháy nhà và công trình.
- TCVN 9632:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- TCVN 9397-2012 Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- TCVN 9343-2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì.
- TCVN 5572-2012 Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép, bản vẽ thiết kế thi công.
- TCVN 5573 - 2012 Kết cấu gạch đá và cốt thép.
- TCVN 5574-2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9207-2012 Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng.
- TCVN 4319:2012 Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.
- + TCVN 7957:2008: Thoát nước. Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế;

Và các Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

10. Tổng mức đầu tư: 651.096.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	537.100.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	23.136.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	70.618.000	đồng
- Chi phí khác:	7.475.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	12.767.000	đồng

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023-2024.

12. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn vốn sự nghiệp năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không thực hiện.

Điều 2. UBND thị trấn Sơn Lư (Chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Dân tộc, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch UBND thị trấn Sơn Lư và Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3/QĐ;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KT&HT (10b).

CHỦ TỊCH

Lê Hồng Quang

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**CÔNG TRÌNH: DUY TU, BẢO DƯỠNG TRƯỜNG TIỂU HỌC SƠN LƯ (KHU BÌN), THỊ TRẤN SƠN LƯ, HUYỆN QUAN SƠN***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn)**Đơn vị tính: đồng*

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				497.314.610	39.785.168	537.100.000	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				497.314.610	39.785.168	537.099.778	
1.1.1	NHÀ XE		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	31.374.492	2.509.959	33.884.451	
1.1.2	CẢI TẠO NHÀ VỆ SINH		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	112.146.116	8.971.689	121.117.805	
1.1.3	CÔNG-TƯỜNG RÀO		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	239.099.766	19.127.981	258.227.747	
1.1.4	MỞ RỘNG SÂN ĐƯỜNG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	114.694.236	9.175.539	123.869.775	
2	Chi phí quản lý dự án	3,446%	1,35	Gxd trước thuế x tỷ lệ	23.135.573		23.136.000	Gqlda
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				65.535.634	5.082.851	70.618.000	Gtv
3.1	Chi phí đo vẽ, khảo sát địa hình			Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND thị trấn Sơn Lư	12.725.000	1.018.000	13.743.000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.3 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	6,500%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	32.325.450	2.586.036	34.911.486	
3.3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,432%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	2.148.399	171.872	2.320.271	
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	16.336.785	1.306.943	17.643.728	
3.5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,050%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	1.000.000		1.000.000	
3.6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,050%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	1.000.000		1.000.000	

4	Chi phí khác				7.474.962		7.475.000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,570%		Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	3.707.605		3.707.605	
4.2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	20%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	3.267.357		3.267.357	
4.3	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 28/2023/TT-BXD)			Tối thiểu	500.000		500.000	
5	Chi phí dự phòng						12.767.000	Gdp
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	2,0%		(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			12.767.000	
	Tổng cộng				593.460.779	44.868.019	651.096.000	Gxdct
Bảng chữ: Sáu trăm năm mươi một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng./.								